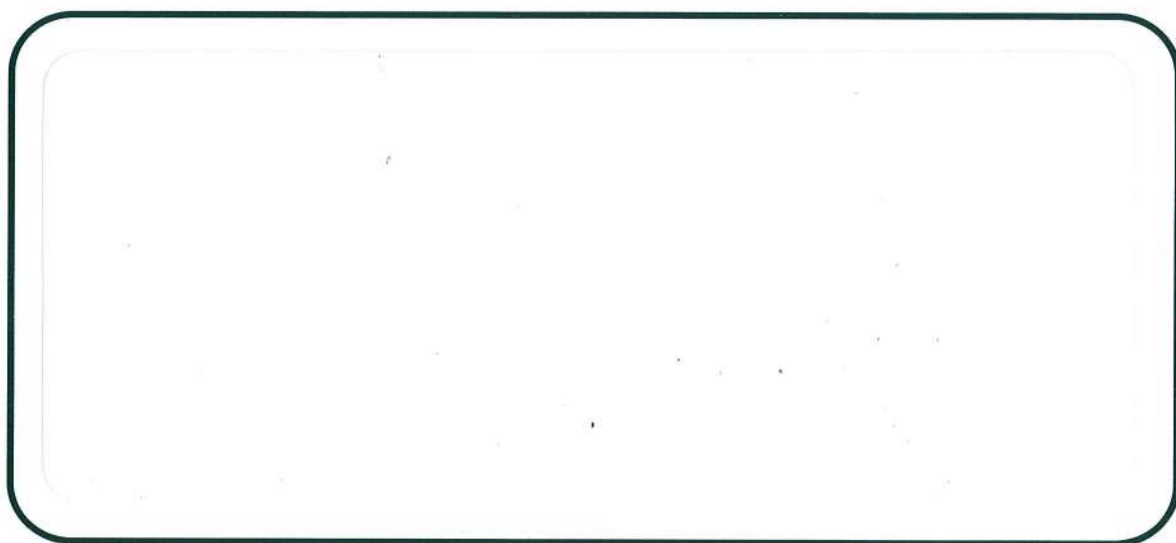


**CPA  
HANOI**

*AicA*



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS**

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82 \* Fax: (84) 24 3974 5083

Email: cpahanoi1999@gmail.com \* Website: www.cpahanoi.com

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**  
Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3974 5081/82      Fax: (024) 3974 5083

*Hà Nội, tháng 03 năm 2021*

M.S.D.N.

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 - 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11 - 12
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	13 - 37



# VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí ("gọi tắt là Văn phòng Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tiền thân là Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mở thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ/TCNSDT ngày 20/05/1993, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 138/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 22/11/2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 09/07/2019. Theo đó:

- **Vốn điều lệ: 34.098.600.000 đồng (Ba mươi tư tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).**

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Nghiên cứu ứng dụng khoa học ngành mỏ; Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông vận tải, buru chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán sắt thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, rác phế liệu, đồ phế thải, rác thải, đồng nát; Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu; Mua bán kim loại; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; Mua bán thiết bị, linh kiện, phụ tùng thay thế ngành điện, thiết bị điện lạnh, tin học; Dịch vụ vận tải; Mua bán ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); Tư vấn thiết lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án về khoáng sản và cơ khí; Tư vấn lập đề án, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, các loại hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Văn phòng Công ty đăng ký kinh doanh; Dịch vụ thương mại; Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm); Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty đặt tại: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

### Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát Văn phòng Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính:

#### Hội đồng Quản trị

- |                        |   |
|------------------------|---|
| - Ông Tăng Nguyên Ngọc | Chủ tịch                                |
| - Bà Nguyễn Thị Mai    | Thành viên                              |
| - Ông Tăng Văn Hải     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/11/2020)   |
| - Ông Tăng Minh Hà     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/11/2020)   |
| - Bà Trần Thị Liên An  | Thành viên                              |
| - Ông Tăng Minh Sơn    | Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/11/2020) |
| - Ông Trần Quốc Đệ     | Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/11/2020) |

#### Ban Tổng Giám đốc

- |                        |               |
|------------------------|---------------|
| - Ông Tăng Nguyên Ngọc | Tổng Giám đốc |
|------------------------|---------------|









Số: 51 /2021/BCKT/BCTC/CPAHANOI

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí*

### **Kính gửi:**

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí, được lập ngày 29/03/2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị**

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh VII.9 Trang 37 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính thông tin về khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí như sau: Tiếp theo Quyết định số 8830/QĐ-CT-QLN ngày 08 tháng 03 năm 2019, Quyết định số 9852/QĐ-CT-QLN ngày 06 tháng 03 năm 2020, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6967/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 120 ngày tại thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 09/03/2021. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp nhà nước khoảng hơn 18 tỷ đồng (Văn phòng Công ty hơn 9 tỷ, Chi nhánh Cơ khí 2 Vĩnh Phúc hơn 3,5 tỷ, Chi nhánh mỏ Mangan Tuyên Quang hơn 5,4 tỷ) đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế, tiền bảo hiểm xã hội và tiền chậm nộp bảo hiểm như thuyết minh V.17 trang 27 khoảng hơn 4 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định. Mặt khác, quyền khai thác quặng Mangan mỏ Làng Bài tại chi nhánh Tuyên Quang đã hết hạn được phép khai thác từ cuối tháng 02 năm 2013. Công ty đã gửi công văn lên Tổng cục Địa chất và Khoáng sản xin được tiếp tục đầu tư khai thác mỏ Làng Bài, làm thủ tục đóng mỏ theo giấy phép khai thác cũ và đang hoàn thiện hồ sơ để xin được cấp phép tiếp tục khai thác mỏ Làng Bài theo nhưng chưa nhận được ý kiến trả lời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn luôn tiếp tục mà không bị gián đoạn ít nhất là trong vòng 12 tháng tới. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ đảm bảo cho Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất là trong vòng 12 tháng tới.

## **Vấn đề khác liên quan đến thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ngày 27/03/2020 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và vấn đề cần nhấn mạnh.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPA HANOI)**



**Lê Văn Tuấn**

Giấy CNDKHNKT số: 1695-2018-016-1

**Kiểm toán viên**

**Hồ Đình Phúc**

Giấy CNDKHNKT số: 1268-2018-016-1



cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<i>Đơn vị tính: đồng</i>				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>113.355.641.874</b>	<b>110.554.188.662</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>370.236.655</b>	<b>411.919.524</b>
1. Tiền	111		370.236.655	411.919.524
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>109.556.080.179</b>	<b>107.244.752.200</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.2</b>	2.253.525.089	3.397.802.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.3</b>	559.273.012	2.148.218.126
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	<b>V.4</b>	106.358.574.137	99.860.029.756
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5a</b>	1.938.970.457	3.392.963.976
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<b>V.6</b>	(1.554.262.516)	(1.554.262.516)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>1.285.932.273</b>	<b>885.881.376</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.285.932.273	885.881.376
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.143.392.767</b>	<b>2.011.635.562</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.8</b>	2.143.392.767	2.011.635.562
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.876.974.063</b>	<b>4.695.782.621</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>772.548.990</b>	<b>772.548.990</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.5b</b>	772.548.990	772.548.990
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>547.782.509</b>	<b>741.233.745</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	547.782.509	741.233.745
- Nguyên giá	222		5.412.904.594	5.412.904.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.865.122.085)	(4.671.670.849)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.459.750.001</b>	<b>1.459.750.001</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.459.750.001	1.459.750.001
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>96.892.563</b>	<b>1.722.249.885</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	96.892.563	1.722.249.885
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>116.232.615.937</b>	<b>115.249.971.283</b>

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>81.984.596.956</b>	<b>72.714.173.590</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>81.906.399.550</b>	<b>72.635.976.184</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.436.625.641	1.357.555.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	265.563.150	181.683.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.803.438.857	9.045.823.657
4. Phải trả người lao động	314		660.548.178	482.466.234
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	38.527.084	45.143.751
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.16	21.069.107.198	15.442.072.538
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	13.201.589.442	12.660.231.213
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	35.431.000.000	33.421.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>78.197.406</b>	<b>78.197.406</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	78.197.406	78.197.406
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.248.018.981</b>	<b>42.535.797.693</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>34.248.018.981</b>	<b>42.535.797.693</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.098.600.000	34.098.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.098.600.000	34.098.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.418.981	8.437.197.693
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.414.239.693	15.578.278.888
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(7.264.820.712)	(7.141.081.195)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>116.232.615.937</b>	<b>115.249.971.283</b>

Người lập biểu



Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng



Trần Thị Liên An

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Tăng Nguyên Ngọc



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	5.037.772.610
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>10</b>	<b>VI.2</b>	-	<b>5.037.772.610</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	-	4.233.469.591
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		-	<b>804.303.019</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	125.320	676.871
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	3.732.239.411	3.678.205.559
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.732.239.411	3.678.205.559
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.691.242.230	3.048.200.727
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(6.423.356.321)</b>	<b>(5.921.426.396)</b>
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.7	841.464.391	1.219.654.799
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(841.464.391)</b>	<b>(1.219.654.799)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(7.264.820.712)</b>	<b>(7.141.081.195)</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(7.264.820.712)</b>	<b>(7.141.081.195)</b>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(2.131)	(2.094)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(2.131)	(2.094)

Người lập biểu



Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng



Trần Thị Liên An

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Tăng Nguyên Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(7.264.820.712)	(7.141.081.195)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	193.451.236	193.451.236
- Các khoản dự phòng	03	-	58.523.822
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(125.320)	(676.871)
- Chi phí lãi vay	06	3.732.239.411	3.678.205.559
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.339.255.385)	(3.211.577.449)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(2.443.085.184)	(3.002.411.935)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(400.050.897)	1.874.846.591
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.287.040.033	3.187.503.938
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	1.625.357.322	19.275.084
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.738.856.078)	(3.727.922.225)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.000.000)	(115.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(82.765.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.028.850.189)	(5.058.051.391)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	125.320	676.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	125.320	676.871
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền thu từ đi vay	33	64.383.920.000	60.680.100.000

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62.373.920.000)	(57.689.100.000)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.022.958.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>987.042.000</i>	<i>2.991.000.000</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(41.682.869)</b>	<b>(2.066.374.520)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>411.919.524</b>	<b>2.478.294.044</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>370.236.655</b>	<b>411.919.524</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đặng Xuân Quân

Trần Thị Liên An

Tang Nguyên Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tiền thân là Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mở thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ/TCNSDT ngày 20/05/1993, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 138/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 22/11/2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 09/07/2019. Theo đó:

Vốn điều lệ: **34.098.600.000 đồng** (*Ba mươi tư tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty đặt tại: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty là khai thác và chế biến quặng kim loại.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Nghiên cứu ứng dụng khoa học ngành mỏ; Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán sắt thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, rác phế liệu, đồ phế thải, rác thải, đồng nát; Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu; Mua bán kim loại; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; Mua bán thiết bị, linh kiện, phụ tùng thay thế ngành điện, thiết bị điện lạnh, tin học; Dịch vụ vận tải; Mua bán ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); Tư vấn thiết lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án về khoáng sản và cơ khí; Tư vấn lập đề án, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, các loại hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Văn phòng Công ty đăng ký kinh doanh; Dịch vụ thương mại; Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm); Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Trong kỳ Văn phòng Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính.

**6. Nhân viên**

Tổng số công nhân viên và người lao động ký hợp đồng có thời hạn tại ngày 31/12/2020: 12 người.



## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

### 2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Văn phòng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a, Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh

b, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Văn phòng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



# VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Văn phòng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

#### c. Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Văn phòng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20	20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04	04
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao	Hết khấu hao

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Văn phòng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*



cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
  
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Các khoản giảm trừ doanh thu*

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).



**15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**19. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.



cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	352.120.180	353.755.518
Tiền gửi Ngân hàng	18.116.475	58.164.006
<b>Cộng</b>	<b>370.236.655</b>	<b>411.919.524</b>
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>1.620.353.694</i>	<i>2.453.744.549</i>
Nhà máy Hợp kim sắt Thái Nguyên	-	833.390.855

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)*



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn	948.936.585	948.936.585
Công ty TNHH Minh Lương Thái Nguyên	382.415.000	382.415.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thủ Đô	289.002.109	289.002.109
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>633.171.395</i>	<i>944.058.309</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.253.525.089</b>	<b>3.397.802.858</b>
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Chi tiết các khoản trả trước người bán chiếm</i>		
<i>từ 10% trở lên trên tổng trả trước người bán</i>	<i>500.000.000</i>	<i>2.011.420.000</i>
Công ty Phúc Trường Minh	-	1.511.420.000
Công ty Cổ phần Ka Ta	130.000.000	130.000.000
Công ty Tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa	200.000.000	200.000.000
Trung tâm Khoa học Công nghệ Mỏ và	170.000.000	170.000.000
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	<i>59.273.012</i>	<i>136.798.126</i>
<b>Cộng</b>	<b>559.273.012</b>	<b>2.148.218.126</b>

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)*







**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

DNTN Thương mại Phùng Thăng	10.140.500	-	10.140.500	-
<b>Cộng</b>	<b>1.600.557.194</b>	<b>46.294.678</b>	<b>1.836.557.194</b>	<b>282.294.678</b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	978.752.397	-	578.701.500	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	175.027.553	-	175.027.553	-
Thành phẩm	72.522.104	-	72.522.104	-
Cộng	59.630.219	-	59.630.219	-
	<b>1.285.932.273</b>	<b>-</b>	<b>885.881.376</b>	<b>-</b>
<b>8. Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
Thuế GTGT được khấu trừ	2.143.392.767			2.011.635.562
<b>Cộng</b>	<b>2.143.392.767</b>			<b>2.011.635.562</b>



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	1.604.720.276	-	3.761.481.136	46.703.182	5.412.904.594
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	1.604.720.276	-	3.761.481.136	46.703.182	5.412.904.594
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	1.147.427.156	-	3.477.540.511	46.703.182	4.671.670.849
- Khấu hao trong năm	83.538.736	-	109.912.500	-	193.451.236
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	1.230.965.892	-	3.587.453.011	46.703.182	4.865.122.085
<b>Giá trị còn lại</b>					
- <b>Tại ngày đầu năm</b>	457.293.120	-	283.940.625	-	741.233.745
- <b>Tại ngày cuối năm</b>	373.754.384	-	174.028.125	-	547.782.509

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2020: 2.469.140.358 đồng





## VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

	Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	
Công ty Kiến trúc xanh	234.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Mạnh Hùng	31.563.150	31.563.150
<i>Người mua trả trước khác</i>	-	120.000
<b>Cộng</b>	<b>265.563.150</b>	<b>181.683.150</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế TNDN	3.479.316.441	-	20.000.000	3.459.316.441
Thuế TNCN	59.965.330	111.666.995	-	171.632.325
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	25.000.000	25.000.000	-
Các loại thuế khác	3.622.132.286	671.352.717	5.404.512	4.288.080.491
Lệ phí cấp quyền	1.884.409.600	-	-	1.884.409.600
<b>Cộng</b>	<b>9.045.823.657</b>	<b>808.019.712</b>	<b>50.404.512</b>	<b>9.803.438.857</b>

Ghi chú: Tiếp theo Quyết định số 9852/QĐ-CT-QLN ngày 06/03/2020, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6967/QĐ-CT-QLN và Thông báo số 6968/TB-CTHN-QLN ngày 09/03/2021 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền thuế nợ và tiền nộp chậm. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 120 ngày tại thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 08/03/2021. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đến thời điểm 31/12/2020 khoảng hơn 19 tỷ (Văn phòng Công ty hơn 9 tỷ, Chi nhánh Cơ khí 2 Vĩnh Phúc hơn 3,5 tỷ, Chi nhánh Mỏ Mangan Tuyên Quang hơn 5,4 tỷ) đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	38.527.084	45.143.751
<b>Cộng</b>	<b>38.527.084</b>	<b>45.143.751</b>



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>16. Phải trả nội bộ ngắn hạn</b>					
Chi nhánh MIMECO Hà Nam	21.069.107.198	21.069.107.198	15.442.072.538	15.442.072.538	
<b>Cộng</b>	<b>21.069.107.198</b>	<b>21.069.107.198</b>	<b>15.442.072.538</b>	<b>15.442.072.538</b>	
<b>17. Phải trả khác</b>					
<b>a. Ngắn hạn</b>					
Kinh phí công đoàn	13.201.589.442	13.201.589.442	12.660.231.213	12.660.231.213	
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp (*)	207.641.832	207.641.832	191.417.232	191.417.232	
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.887.281.241	2.887.281.241	2.511.927.612	2.511.927.612	
Trần Thị Liên An tạm cho vay	10.106.666.369	10.106.666.369	9.956.886.369	9.956.886.369	
Tăng Nguyễn Ngọc tạm cho vay	69.080.000	69.080.000	8.652.000.000	8.652.000.000	
Tăng Minh Sơn tạm cho vay	2.724.500.000	2.724.500.000	1.030.000.000	1.030.000.000	
Hoàng Quỳnh Giang tạm cho vay	1.645.700.000	1.645.700.000	-	-	
Nguyễn Thị Bích Nhân	967.500.000	967.500.000	-	-	
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.425.000.000	4.425.000.000	-	-	
<b>b. Dài hạn</b>					
Quý dự phòng trợ cấp mất việc làm	274.886.369	274.886.369	274.886.369	274.886.369	
<b>Cộng</b>	<b>78.197.406</b>	<b>78.197.406</b>	<b>78.197.406</b>	<b>78.197.406</b>	
	78.197.406	78.197.406	78.197.406	78.197.406	
<b>Cộng</b>	<b>13.279.786.848</b>	<b>13.279.786.848</b>	<b>12.738.428.619</b>	<b>12.738.428.619</b>	

(\*) Tiền bảo hiểm xã hội phải nộp đã quá hạn nộp theo quy định vì vậy nếu Công ty không nộp theo quy định sẽ ảnh hưởng đến các chế độ thanh toán và quyền lợi về bảo hiểm theo quy định.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18. Vay và nợ thuế tài chính	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</i>	<b>35.431.000.000</b>	<b>35.431.000.000</b>	<b>64.383.920.000</b>	<b>62.373.920.000</b>	<b>33.421.000.000</b>	<b>33.421.000.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	28.946.000.000	28.946.000.000	63.168.920.000	60.943.920.000	26.721.000.000	26.721.000.000
Trần Thị Liên An	2.015.000.000	2.015.000.000	-	-	2.015.000.000	2.015.000.000
Tăng Nguyên Ngọc	545.000.000	545.000.000	415.000.000	-	130.000.000	130.000.000
Nguyễn Bích Nhân	60.000.000	60.000.000	-	-	60.000.000	60.000.000
Vũ Thị Loan	470.000.000	470.000.000	-	830.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Hoàng Thị Quỳnh Giang	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Lương Quang Thanh	650.000.000	650.000.000	-	-	650.000.000	650.000.000
Nguyễn Thị Mai	545.000.000	545.000.000	-	-	545.000.000	545.000.000
Nguyễn Thị Xâm	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Thành Nho	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Tăng Ngọc Vũ	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Ngọc Lan Chi	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngô Thị Thanh	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Vũ Thị Hoa	200.000.000	200.000.000	800.000.000	600.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.431.000.000</b>	<b>35.431.000.000</b>	<b>64.383.920.000</b>	<b>62.373.920.000</b>	<b>33.421.000.000</b>	<b>33.421.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay: (Thuyết minh VII.1.4: Tài sản đảm bảo).

Tài sản đảm bảo các khoản vay xem Thuyết minh số VII.1.4



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2019)	34.098.600.000	-	-	-	-	15.661.044.283	49.759.644.283
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(7.141.081.195)	(7.141.081.195)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(82.765.395)	(82.765.395)
Số dư cuối năm trước (31/12/2019)	34.098.600.000	-	-	-	-	8.437.197.693	42.535.797.693
Số dư đầu năm nay (01/01/2020)	34.098.600.000	-	-	-	-	8.437.197.693	42.535.797.693
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(7.264.820.712)	(7.264.820.712)
Phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	-	(1.022.958.000)	(1.022.958.000)
Số dư cuối năm nay (31/12/2020)	34.098.600.000	-	-	-	-	149.418.981	34.248.018.981

Theo Nghị quyết số 45/KSCCK-DHĐCĐ ngày 10/11/2020 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: Chi trả cổ tức năm 2018: 1.022.958.000 đồng. Theo đó lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm: 1.022.958.000 đồng.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lâm Thị Thanh Hải	7,03%	2.398.600.000	2.398.600.000
Lê Thị Hà	5,90%	2.010.200.000	2.010.200.000
Nguyễn Thị Mai	5,71%	1.946.000.000	1.946.000.000
Nguyễn Xuân Tươi	6,45%	2.200.000.000	2.200.000.000
Phạm Hữu Thu	6,23%	2.123.710.000	2.123.710.000
Tăng Minh Sơn	9,36%	3.189.930.000	3.189.930.000
Tăng Nguyễn Ngọc	25,28%	8.621.740.000	8.621.740.000
Các đối tượng khác	34,04%	11.608.420.000	11.608.420.000
<b>Cộng</b>		<b>34.098.600.000</b>	<b>34.098.600.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	34.098.600.000	34.098.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	34.098.600.000	34.098.600.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.409.860</b>	<b>3.409.860</b>
<b>Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng</b>	<b>3.409.860</b>	<b>3.409.860</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.409.860</b>	<b>3.409.860</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)**

<b>1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng hóa	-	5.037.772.610
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.037.772.610</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	5.037.772.610
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.037.772.610</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Năm nay	Năm trước
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	4.233.469.591
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.233.469.591</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	125.320	676.871
<b>Cộng</b>	<b>125.320</b>	<b>676.871</b>
<b>5. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	3.732.239.411	3.678.205.559
<b>Cộng</b>	<b>3.732.239.411</b>	<b>3.678.205.559</b>
<b>6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	<b>2.691.242.230</b>	<b>3.048.200.727</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.711.059.951	1.955.776.405
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	195.897.322	157.691.447
Chi phí khấu hao TSCĐ	193.451.236	193.451.236
Thuế, phí và lệ phí	30.404.512	48.348.424
Chi phí dự phòng	-	58.523.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.000.000	140.000.000
Chi phí bằng tiền khác	420.429.209	494.409.393
<b>7. Chi phí khác</b>		
Phạt chậm nộp thuế, BHXH	841.228.907	1.219.654.799
Chi phí khác	235.484	-
<b>Cộng</b>	<b>841.464.391</b>	<b>1.219.654.799</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<p>Văn phòng Công ty là đơn vị trực thuộc và hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí, do vậy Văn phòng Công ty không xác định thuế TNDN riêng tại Văn phòng Công ty mà được Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí xác định trên cơ sở tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên hạch toán trực thuộc khối Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí.</p> <p>Quyết toán thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<i>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</i>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(7.264.820.712)	(7.141.081.195)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(7.264.820.712)	(7.141.081.195)
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.409.860	3.409.860
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(2.131)</b>	<b>(2.094)</b>
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	195.897.322	157.691.447
Chi phí nhân công	1.711.059.951	1.955.776.405
Chi phí khấu hao TSCĐ	193.451.236	193.451.236
Thuế, phí và lệ phí	30.404.512	48.348.424
Chi phí dự phòng	-	58.523.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.000.000	140.000.000
Chi phí bằng tiền khác	420.429.209	494.409.393
<b>Cộng</b>	<b>2.691.242.230</b>	<b>3.048.200.727</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

***Bên liên quan***

***Mối quan hệ***

Ông Tăng Nguyên Ngọc

Chủ tịch HĐQT

Bà Vũ Thị Hoa

Vợ Chủ tịch HĐQT

Bà Trần Thị Liên An

Thành viên HĐQT

***Số dư và giao dịch với các bên liên quan***

**Thông tin giao dịch với các bên liên quan**

***Ông Tăng Nguyên Ngọc***

**Giao dịch**

**Năm nay**

van pnonng Công ty nhận tiền vay (PS Có TK 341)

415.000.000

Văn phòng Công ty mượn tiền (PS Có TK 338)

6.339.500.000

Văn phòng Công ty trả tiền mượn (PS Nợ TK 338)

4.645.000.000

Văn phòng Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)

42.475.000

Văn phòng Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)

42.475.000

***Bà Vũ Thị Hoa***

van pnonng Công ty nhận tiền vay (PS Có TK 341)

800.000.000

Văn phòng Công ty trả tiền vay (PS Nợ TK 341)

600.000.000

Văn phòng Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)

86.041.667

Văn phòng Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)

86.041.667

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<b>Bà Trần Thị Liên An</b>	Văn phòng Công ty mượn tiền (PS Có TK 338)	3.478.500.000
	Văn phòng Công ty trả tiền mượn (PS Nợ TK 338)	12.061.420.000
	Văn phòng Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)	307.287.500
	Văn phòng Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)	307.287.500
<b>Số dư các bên liên quan 31/12/2020</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn khác (TK 338)</b>		<b>2.793.580.000</b>
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Phải trả khác	2.724.500.000
Bà Trần Thị Liên An	Phải trả khác	69.080.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (TK 341)</b>		<b>2.760.000.000</b>
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Vay ngắn hạn	545.000.000
Bà Trần Thị Liên An	Vay ngắn hạn	2.015.000.000
Bà Vũ Thị Hoa	Vay ngắn hạn	200.000.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát****Năm nay**

Thù lao Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Tổng Giám đốc thực nhận

Chưa chi

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Văn phòng Công ty.

**Khu vực địa lý**

Văn phòng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Văn phòng Công ty là sản xuất và khai thác quặng mỏ kim loại không phải là doanh nghiệp đa ngành nghề nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trong tương đương tiền	370.236.655	-	411.919.524	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phải thu khách hàng	2.253.525.089	(1.554.262.516)	3.397.802.858	(1.554.262.516)
Trả trước cho người bán	559.273.012	-	2.148.218.126	-
Phải thu khác	2.711.519.447	-	4.165.512.966	-
<b>Cộng</b>	<b>5.894.554.203</b>	<b>(1.554.262.516)</b>	<b>10.123.453.474</b>	<b>(1.554.262.516)</b>

**Giá trị sổ sách**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả cho người bán	1.436.625.641	1.357.555.641
Chi phí phải trả	38.527.084	45.143.751
Vay và nợ thuê tài chính	35.431.000.000	33.421.000.000
Các khoản phải trả khác	13.201.589.442	12.660.231.213
<b>Cộng</b>	<b>50.107.742.167</b>	<b>47.483.930.605</b>

Văn phòng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**4. Tài sản đảm bảo**

- Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1420-LAV-202000240 ngày 24/06/2020 với hạn mức tín dụng 30.000.000.000VNĐ (bao gồm cả dư nợ vay tại HĐTD hạn mức số 1420-LAV-201900258 ngày 20/06/2019) và các phụ lục đi kèm, mục đích: bổ sung vốn lưu động khai thác, sản xuất quặng, khoáng sản, đá..., thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đảm bảo tiền vay: 100% dư nợ có tài sản đảm bảo bằng Quyền thuê quyền sử dụng đất và Nhà cửa, vật kiến trúc, dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ nhà máy, tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất tại địa chỉ Khu CN Long Bình An xã Đội Cấn TP Tuyên Quang tỉnh Tuyên Quang theo GCN quyền SD đất số BA 795530 do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 10/06/2010, Hợp đồng cầm cố 400.000 cổ phiếu của Công ty Mimeco chủ sở hữu Ông Tăng Nguyên Ngọc, Hợp đồng cầm cố 318.000 cổ phiếu của Công ty Mimeco chủ sở hữu Ông Tăng Minh Sơn, Quyền SD đất tại thôn Yêm huyện Sóc Sơn TP Hà Nội chủ SH Ông Tăng Nguyên Ngọc và bà Vũ Thị Hoa, Quyền SD đất tại thôn Ngô Thượng xã Ninh Hòa huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Bích Nhẫn.
- Vay ngắn hạn cá nhân theo các Hợp đồng vay vốn thời hạn tối đa 01 năm với mức lãi suất 15%/năm. Tài sản đảm bảo là tín chấp.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



# VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

## 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Văn phòng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Văn phòng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Văn phòng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Văn phòng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Văn phòng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Văn phòng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Văn phòng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm (31/12/2020)</b>	<b>50.107.742.167</b>	<b>-</b>	<b>50.107.742.167</b>
Phải trả cho người bán	1.436.625.641	-	1.436.625.641
Chi phí phải trả	38.527.084	-	38.527.084
Vay và nợ thuê tài chính	35.431.000.000	-	35.431.000.000
Các khoản phải trả khác	13.201.589.442	-	13.201.589.442
<b>Số đầu năm (01/01/2020)</b>	<b>47.483.930.605</b>	<b>-</b>	<b>47.483.930.605</b>
Phải trả cho người bán	1.357.555.641	-	1.357.555.641
Chi phí phải trả	45.143.751	-	45.143.751

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Vay và nợ thuê tài chính	33.421.000.000	-	33.421.000.000
Các khoản phải trả khác	12.660.231.213	-	12.660.231.213

Văn phòng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Văn phòng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Văn phòng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Văn phòng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Văn phòng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Văn phòng Công ty.

Văn phòng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

**9. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 không có dấu hiệu và sự kiện ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty như sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



# VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tiếp theo Quyết định số 8830/QĐ-CT-QLN ngày 08 tháng 03 năm 2019, Quyết định số 9852/QĐ-CT-QLN ngày 06 tháng 03 năm 2020, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6967/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 120 ngày tại thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 09/03/2021. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp nhà nước khoảng hơn 18 tỷ đồng (Văn phòng Công ty hơn 9 tỷ, Chi nhánh Cơ khí 2 Vĩnh Phúc hơn 3,5 tỷ, Chi nhánh mỏ Mangan Tuyên Quang hơn 5,4 tỷ) đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế, tiền bảo hiểm xã hội và tiền chậm nộp bảo hiểm như thuyết minh V.17 trang 27 khoảng hơn 4 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định. Mặt khác, quyền khai thác quặng Mangan mỏ Làng Bài tại chi nhánh Tuyên Quang đã hết hạn được phép khai thác từ cuối tháng 02 năm 2013. Công ty đã gửi công văn lên Tổng cục Địa chất và Khoáng sản xin được tiếp tục đầu tư khai thác mỏ Làng Bài, làm thủ tục đóng mỏ theo giấy phép khai thác cũ và đang hoàn thiện hồ sơ để xin được cấp phép tiếp tục khai thác mỏ Làng Bài nhưng chưa nhận được ý kiến trả lời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn luôn tiếp tục mà không bị gián đoạn ít nhất là trong vòng 12 tháng tới. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ đảm bảo cho Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất là trong vòng 12 tháng tới.

Người lập biểu

Đặng Xuân Quán

Kế toán trưởng

Trần Thị Liên An

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Tăng Nguyên Ngọc



(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)